

Số: **146** /TB-ĐHV

Nghệ An, ngày **27** tháng 9 năm 2022

**THÔNG BÁO**  
**Về việc đăng ký xét tuyển đại học chính quy**  
**Đợt 2 năm 2022 - Trường Đại học Vinh**

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; Căn cứ Đề án số 725/ĐA-ĐHV ngày 16/6/2022 của Trường Đại học Vinh về tuyển sinh năm 2022, Nhà trường thông báo việc đăng ký xét tuyển vào học đại học chính quy đợt 2 năm 2022 bằng các mã phương thức: 100, 200, 405, 406 (\*), như sau:

**1. Chỉ tiêu tuyển sinh và điều kiện dự tuyển đợt 2:** (Chi tiết ở Phụ lục 1).

- Chỉ tiêu theo ngành/chuyên ngành, theo từng phương thức xét tuyển.
- Thí sinh thỏa mãn các điều kiện đã công bố trong đề án tuyển sinh và **chưa nhập học vào bất kỳ cơ sở đào tạo nào trong năm 2022.**

**2. Phương thức xét tuyển:**

**2.1. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022 - Mã phương thức xét tuyển 100**

- Điều kiện đăng ký xét tuyển: Thí sinh tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022.
- Nguyên tắc xét tuyển: Xét tuyển theo từng ngành, chuyên ngành, xét tuyển từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu.

**Điểm xét tuyển** = Tổng điểm 3 bài thi/môn thi theo tổ hợp đăng ký xét tuyển + (Điểm UT theo đối tượng + Điểm UT theo khu vực nếu có).

- Trong đó ngành: Sư phạm tiếng Anh điểm môn thi tiếng Anh hệ số 2.

**2.2. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập cấp THPT (học bạ) - Mã phương thức xét tuyển 200**

- Điều kiện đăng ký xét tuyển: Các ngành ngoài sư phạm tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2022 trở về trước.
- Nguyên tắc xét tuyển: Sử dụng kết quả học tập THPT (học bạ) để xét tuyển theo ngành, chuyên ngành, xét tuyển từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu.
- Điểm xét tuyển là điểm tổng kết lớp 12 với các môn học trong tổ hợp theo quy định mỗi ngành tại phụ lục kèm theo.

**Điểm xét tuyển** = (Điểm cả năm môn 1 + Điểm cả năm môn 2 + Điểm cả năm môn 3) + (Điểm UT theo đối tượng + Điểm UT theo khu vực nếu có).

**2.3. Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển - Mã phương thức xét tuyển 405**

Xét tuyển dựa trên kết quả bài thi/môn thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 kết hợp với thi tuyển năng khiếu cho 2 ngành Giáo dục Mầm non và Giáo dục Thể chất, thỏa mãn đủ các điều kiện sau:

- Ngành Giáo dục Mầm non có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022:

Môn 1 + Môn 2 + điểm ưu tiên  $\times 2/3 \geq 12,67$  điểm và

Môn 1 + Môn 2 + Điểm thi năng khiếu + điểm ưu tiên  $\geq 21$  điểm.

- Ngành Giáo dục Thể chất có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022:

Môn 1 + Môn 2 + điểm ưu tiên  $\times 2/3 \geq 12$  điểm và

Môn 1 + Môn 2 + Điểm thi năng khiếu + điểm ưu tiên  $\geq 19$  điểm.

#### **2.4. Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển - Mã phương thức xét tuyển 406**

Xét tuyển dựa trên kết quả học tập lớp 12 của thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2022 kết hợp với thi tuyển năng khiếu cho 2 ngành Giáo dục Mầm non và Giáo dục Thể chất thỏa mãn đủ các điều kiện sau:

- Ngành Giáo dục Mầm non:

Học lực lớp 12 xếp loại Giỏi, hạnh kiểm loại Khá trở lên và

Môn 1 + Môn 2 + Điểm thi năng khiếu + điểm ưu tiên  $\geq 24$  điểm

- Ngành Giáo dục Thể chất:

Học lực lớp 12 xếp loại Khá, hạnh kiểm loại Khá trở lên và

Môn 1 + Môn 2 + Điểm thi năng khiếu + điểm ưu tiên  $\geq 24$  điểm

#### **3. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:**

**3.1. Đối với các ngành sử dụng các mã phương thức xét tuyển 100, 405, 406** thí sinh phải có hạnh kiểm của năm học lớp 12 THPT đạt từ loại Khá trở lên, không bị dị hình, dị tật, nói ngọng, nói lắp. Ngành Giáo dục thể chất chỉ tuyển những thí sinh có thể hình cân đối: Nam cao 1,65m, nặng 45 kg trở lên và Nữ cao 1,55m, nặng 40 kg trở lên.

#### **3.2. Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT - Mã phương thức 200**

- Thí sinh đạt ngưỡng đầu vào đối với ngành Điều dưỡng: Học lực lớp 12 xếp loại từ Khá trở lên; các ngành ngoài sử dụng tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển của năm lớp 12, *điểm xét tuyển* đạt từ điểm sàn trở lên.

**3.3. Nguyên tắc xét tuyển:** Xét tuyển theo ngành, chuyên ngành, theo từng phương thức xét tuyển và theo nguyên tắc lấy điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu được phân bổ.

#### **4. Tổ chức đăng ký xét tuyển đợt 2 năm 2022, như sau:**

Thí sinh đăng ký xét tuyển và làm theo hướng dẫn trên cổng tuyển sinh của Trường Đại học Vinh tại: <http://tuyensinhchinhquy.vinhuni.edu.vn>

- Thời gian đăng ký: Từ 8 giờ 00', ngày 01/10/2022 đến ngày 07/10/2022.

- Lệ phí xét tuyển: 20.000 đồng/nguyên vọng, không giới hạn nguyên vọng đăng ký xét tuyển của thí sinh.



- **Hồ sơ đăng ký theo mã phương thức: 100 và 405 gồm:** Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu trực tuyến); Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022 (bản scan hoặc chụp ảnh), Bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (bản scan hoặc chụp ảnh); Học bạ (bản scan hoặc chụp ảnh); Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân (bản scan hoặc chụp ảnh).

- **Hồ sơ đăng ký theo mã phương thức: 200 và 406 gồm:** Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu trực tuyến); Bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (bản scan hoặc chụp ảnh); Học bạ (bản scan hoặc chụp ảnh); Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân (bản scan hoặc chụp ảnh).

### 5. Thông tin liên hệ và hỗ trợ thí sinh:

- Số điện thoại tư vấn tuyển sinh và hỗ trợ đăng ký xét tuyển tại link:

<https://vinhuni.edu.vn/danh-sach-can-bo-ho-tro-cong-tac-tu-van-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2022-truong-dai-hoc-vinh-c06.0110v0p0a38512.html>

- Link zalo tham gia nhóm thí sinh tuyển sinh đợt 2: <https://zalo.me/g/hcstta202>

- Kênh tư vấn: <https://www.facebook.com/daihocvinh182leduan>

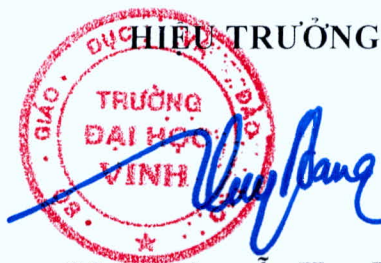
- Website: <https://vinhuni.edu.vn>

- Thông tin chi tiết thí sinh tra cứu tại Đề án tuyển sinh năm 2022 tại: <https://vinhuni.edu.vn/de-an-tuyen-sinh-nam-2022-c06.0110v0p0a38789.html>

- Thông tin liên hệ: Phòng Đào tạo - Trường Đại học Vinh, địa chỉ: Số 182, đường Lê Duẩn, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An, điện thoại: 0238.898 8989.

#### Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các trường THPT;
- Các đơn vị trong Trường;
- BBT website, iOffice;
- Lưu: HCTH, ĐT.



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC 1**  
**CÁC NGÀNH TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 2 NĂM 2022**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

(Kèm theo thông báo số: **146** /TB-DHV, ngày **27** /9/2022  
của Trường Đại học Vinh)

TT	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức (*)	Điểm sàn	Chỉ tiêu đợt 2	Tổ hợp xét tuyển
1.	7140201	Giáo dục Mầm non	405	27	5	M00, M01, M10, M13
			406	31	5	M00, M01, M10, M13
2.	7140206	Giáo dục Thể chất	405	28	2	T00, T01, T02, T05
			406	32	3	T00, T01, T02, T05
3.	7140114	Quản lý giáo dục	100	18	10	C00, D01, A00, A01
			200	18	10	C00, D01, A00, A01
4.	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	100	32	15	D01, D14, D15, A01
5.	7380101	Luật	100	19	10	C00, D01, A00, A01
			200	19	5	C00, D01, A00, A01
6.	7380107	Luật kinh tế	100	19	10	C00, D01, A00, A01
			200	19	10	C00, D01, A00, A01
7.	7340101	Quản trị kinh doanh	100	19	15	A00, A01, D01, D07
			200	20	10	A00, A01, D01, D07
8.	7340201	Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp và Ngân hàng thương mại)	100	18	10	A00, A01, D01, D07
			200	18	10	A00, A01, D01, D07
9.	7580301	Kinh tế xây dựng	100	17	10	A00, B00, D01, A01
			200	18	5	A00, B00, D01, A01
10.	7620105	Chăn nuôi (chuyên ngành Thú y)	100	17	8	A00, B00, D01, B08
			200	18	7	A00, B00, D01, B08
11.	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	100	18	10	A00, B00, D01, A01
			200	18	10	A00, B00, D01, A01
12.	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100	19	10	A00, B00, D01, A01
			200	20	10	A00, B00, D01, A01
13.	7480101	Khoa học máy tính	100	18	10	A00, A01, D01, D07
			200	18	5	A00, A01, D01, D07
14.	7540101	Công nghệ thực phẩm	100	18	5	A00, B00, A01, D07
			200	18	10	A00, B00, A01, D07
15.	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	100	17	10	A00, B00, D01, A01
			200	18	5	A00, B00, D01, A01
16.	7580201	Kỹ thuật xây dựng	100	17	15	A00, B00, D01, A01
			200	18	10	A00, B00, D01, A01
17.	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	100	17	10	A00, B00, D01, A01
			200	18	10	A00, B00, D01, A01
18.	7620109	Nông học	100	17	5	A00, B00, D01, B08
			200	18	10	A00, B00, D01, B08



19.	7620301	Nuôi trồng thủy sản	100	17	5	A00, B00, D01, B08
			200	18	10	A00, B00, D01, B08
20.	7720301	Điều dưỡng	100	19	10	B00, C08, D08, D13
			200	19.5	10	B00, C08, D08, D13
21.	7310201	Chính trị học	100	20	10	C00, D01, C19, A01
			200	20	5	C00, D01, C19, A01
22.	7760101	Công tác xã hội	100	18	10	C00, D01, A00, A01
			200	18	10	C00, D01, A00, A01
23.	7310630	Việt Nam học (chuyên ngành Du lịch)	100	18	15	C00, D01, A00, A01
			200	18	10	C00, D01, A00, A01
24.	7310101	Kinh tế (có 2 chuyên ngành: Kinh tế đầu tư và Quản lý kinh tế)	100	20	15	A00, A01, D01, B00
			200	20	15	A00, A01, D01, B00
25.	7850103	Quản lý đất đai	100	17	5	A00, B00, D01, B08
			200	18	5	A00, B00, D01, B08
26.	7310205	Quản lý nhà nước	100	18	10	C00, D01, A00, A01
			200	18	5	C00, D01, A00, A01
27.	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	100	17	5	A00, B00, D01, B08
			200	18	5	A00, B00, D01, B08
28.	7229042	Quản lý văn hóa	100	20	10	C00, D01, A00, A01
			200	20	5	C00, D01, A00, A01

**Lưu ý:** Điểm sàn các ngành được tính theo thang điểm 30, các ngành tính theo thang điểm 40 gồm: Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất (môn năng khiếu hệ số 2 và điểm ưu tiên x 4/3, Môn thi Năng khiếu đạt từ 5,0 điểm trở lên); Sư phạm tiếng Anh, môn tiếng Anh hệ số 2 và điểm ưu tiên x 4/3, Môn tiếng Anh đạt từ 7.0 điểm trở lên.

(\*) Phương thức xét tuyển đại học chính quy năm 2022

TT	Mã phương thức	Tên phương thức xét tuyển
1	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT
2	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)
3	405	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển
4	406	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển

**Các tổ hợp xét tuyển:**

- **Tổ hợp nhóm A:** A00: Toán, Vật lý, Hoá học; A01: Toán, Vật lý, tiếng Anh; A02: Toán, Vật lý, Sinh học.

- **Tổ hợp nhóm B:** B00: Toán, Hoá học, Sinh học; B03: Toán, Sinh học, Ngữ văn; B08: Toán, Sinh học, tiếng Anh.

- **Tổ hợp nhóm C:** C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý; C02: Ngữ văn, Toán, Hóa học; C04: Ngữ văn, Toán, Địa lý; C08: Ngữ văn, Hóa học, Sinh; C19: Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân; C20: Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân.

- **Tổ hợp nhóm D:** D01: Toán, Ngữ văn, tiếng Anh; D07: Toán, Hoá học, tiếng Anh; D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh; D13: Ngữ văn, Sinh học, tiếng Anh; D14: Ngữ

văn, Lịch sử, tiếng Anh; D15: Ngữ văn, Địa lý, tiếng Anh; D66: Ngữ văn, Giáo dục công dân, tiếng Anh.

- **Tổ hợp nhóm M:** M00: Toán, Ngữ văn, Năng khiếu mầm non; M01: Toán, tiếng Anh, Năng khiếu mầm non; M10: Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu mầm non; M13: Toán, Sinh học, Năng khiếu mầm non.

- **Tổ hợp nhóm T:** T00: Toán, Sinh học, Năng khiếu GDTC; T01: Toán, Ngữ văn, Năng khiếu GDTC; T02: Ngữ văn, Sinh học, Năng khiếu GDTC; T05: Ngữ văn, Giáo dục công dân, Năng khiếu GDTC.

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**MÃ PHƯƠNG THỨC: 100, 200, 405, 406**

*(Mẫu dùng để thiết lập thông tin cho trực tuyến,  
các mục thông tin là thông tin bắt buộc kê khai)*

1. Họ và tên thí sinh: ..... Giới tính: .....
2. Ngày, tháng, năm sinh: .....
3. Số CMND (CCCD): .....
4. Điện thoại: ..... Email: .....
5. Hộ khẩu thường trú:  
.....
6. Dân tộc:  
.....
7. Nơi học THPT hoặc tương đương *(Ghi tên trường và nơi trường đóng: huyện/quận, tỉnh/thành phố và ghi mã tỉnh)*:  
Lớp 10: .....      
Lớp 11: .....      
Lớp 12: .....      
Tên lớp 12: .....      
*Mã tỉnh Mã trường*
8. Năm tốt nghiệp THPT hoặc tương đương:.....
9. Học lực: Năm lớp 10:.....; Năm lớp 11:.....; Năm lớp 12:.....
10. Hạnh kiểm: Năm lớp 10:.....; Năm lớp 11:.....; Năm lớp 12:.....
11. Khu vực: Thuộc khu vực nào thì khoanh tròn khu vực đó: 1 ; 2 ; 3 ; 2NT
12. Đối tượng: Thuộc đối tượng ưu tiên nào thì khoanh tròn đối tượng đó:  
01 ; 02 ; 03 ; 04 ; 05 ; 06 ; 07
13. Đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Vinh/ngành học:

Thứ tự nguyên vọng	Phương thức	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp	Điểm môn 1		Điểm môn 2		Điểm môn 3	
					Văn	8.5	Sử	8.0	Địa	9.8
0	100	7380101	Luật	C00	Văn	8.5	Sử	8.0	Địa	9.8
1										
2										
...										

14. Địa chỉ báo tin:  
.....  
.....

*Tôi cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.*

Ngày ..... tháng ..... năm 2022

*(Thí sinh ký, ghi rõ họ tên)*